

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 757/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 09/4/2021
V/v: Tranh chấp về không công
nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, về việc: “Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1308/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông A

Địa chỉ: A17.04 Gateway, Số A, Khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch: Bà Phan Thị Huyền Trang, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 58/24/33, đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: A17.04 Gateway, Số A, Khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông A, bà H có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ông A có người phiên dịch là bà Phan Thị Huyền Trang trình bày:

Ông A và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 tại làng quốc tế Thanh Long, quận A, Thành phố B, tuy nhiên cả hai không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn vì thấy không cần thiết. Trong quá trình chung sống, ông A và bà H có 02 người con chung là Nguyễn Kevin Hải P, sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Dennis Hai L, sinh ngày 26/8/2016, ông bà đã tiến hành làm giấy khai sinh cho các con chung tại Đức (Theo giấy khai sinh số G 1796/2017 và giấy khai sinh số G 1799/2017) và tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, thị trấn H, tỉnh M. Tại thời điểm làm giấy khai sinh tại Đức, có ghi nhận tên cha là A, tuy nhiên khi làm giấy khai sinh cho các con ở Việt Nam, vì lý do ông A và bà H không đăng ký kết hôn nên mục họ và tên của cha bị bỏ trống. Từ khi các cháu được sinh ra đến nay, ông A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Hiện nay, ông A nhận thấy không phù hợp phong tục tập quán và quan điểm sống nên không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn với bà H, tuy nhiên trong quá trình chăm sóc các con chung, ông A gặp khó khăn khi làm thủ tục nhân thân, khai báo ý tế và cho các con đi học.... Để đảm bảo quyền lợi và điều kiện chăm sóc cho các con, ông A đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà H.

- Về con chung: Ghi nhận giữa ông A và bà H có 02 con chung là Nguyễn Kevin Hải P, sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Dennis Hai L, sinh ngày 26/8/2016, yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông A không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Bà H trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông A về quá trình sống chung, con chung. Vì lý do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm, phong tục tập quán nên bà và ông A không tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông A có 02 con chung là Nguyễn Kevin Hải P, sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Dennis Hai L, sinh ngày 26/8/2016, hiện nay các con do ông A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên bà đồng ý giao 02 con chung cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ông A về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H. Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Ông A tự nguyện chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông A yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H, căn cứ khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà H có địa chỉ cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn - Ông A, bị đơn - Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A, bà Hưng.

[1.3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và giải quyết khiếu nại nếu có: Ngày 16/3/2021, Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đã biết rõ tất cả và không khiếu nại các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không đề nghị Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ, triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ cung cấp, và chịu trách nhiệm về việc không cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan theo Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A, bà H xác nhận ông bà tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013 tại làng quốc tế Thanh Long, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và không đăng ký kết hôn. Việc ông A, bà H không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Xét đơn khởi kiện của ông A yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.2] Về con chung: Ông A và bà H xác nhận trong quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Kevin Hải P , sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Dennis Hai L, sinh ngày 26/8/2016. Căn cứ Giấy khai sinh số G 1796/2017 và giấy khai sinh số G 1799/2017, kết quả xét nghiệm AND ngày 11/3/2021, lời

trình bày của bà H xác định ông A là cha ruột của trẻ Nguyễn Kevin Hải P và trẻ Nguyễn Dennis Hai L. Hiện các con chung đang sống chung với ông A. Xét điều kiện thực tế và sự thỏa thuận của các đương sự cần chấp nhận đề nghị của A giao 02 con chung cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi các con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông A và bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông A tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Ông A: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà H.

- Về con chung: Ông A và bà H có 02 con chung là Nguyễn Kevin Hải P, sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Dennis Hai L, sinh ngày 26/8/2016. Giao 02 con chung cho ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi các con chung.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của ông A, bà H về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông A, bà H không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông A tự nguyện chịu toàn bộ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0028407 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu

